

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM K
TỈNH QUẢNG N**

Bản án số: 68/2020/DS-ST

Ngày 17-6-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM K, TỈNH QUẢNG N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Tin.
2. Ông Nguyễn Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam K, tỉnh Quảng N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam K, tỉnh Quảng N tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam K, tỉnh Quảng N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 69 Duy Tân, phường Phước H, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Phương Tr, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 647, Phan Chu Trinh, phường Hòa Hương, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Bích L trình bày:

Do quan hệ quen biết nên giữa bà và bà Lê Thị Phương Tr có vay mượn tiền. Theo đó, bà Tr có mượn của bà số tiền tổng cộng qua các lần mượn là 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng (theo các hợp đồng mượn tiền ngày 27/4/2018; giấy mượn tiền ngày 20/4/2019; giấy mượn tiền ngày 11/6/2019; hợp đồng mượn tiền ngày 18/7/2019; hợp đồng mượn tiền ngày 02/8/2019; hợp đồng mượn tiền ngày 26/9/2019). Bà Tr đã trả được cho bà số tiền là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Còn lại 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng đến nay bà Tr vẫn chưa trả cho bà. Do đó, bà

khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tr phải trả số tiền còn thiếu chưa trả là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng cho bà. Bà không yêu cầu bà Tr trả tiền lãi.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Lê Thị Phương Tr trình bày:

Bà có vay mượn tổng số tiền 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng của bà Trần Thị Bích L như bà L trình bày. Bà đã trả được cho bà L số tiền là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Hằng tháng, bà có trả lãi suất số tiền bà còn nợ của bà L là 8.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà đã trả được bao nhiêu lần và số tiền lãi tổng cộng đã trả là bao nhiêu thì bà không nhớ, các lần trả này bà không có chứng từ nên bà không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu gì về số tiền lãi đã trả này. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà chưa trả được một lần đối với số tiền còn nợ là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, đề nghị bà L cho bà trả 3.000.000 đồng/ 01 tháng đến khi hết nợ. Bà thừa nhận các hợp đồng mượn tiền ngày 27/4/2018; giấy mượn tiền ngày 20/4/2019; giấy mượn tiền ngày 11/6/2019; hợp đồng mượn tiền ngày 18/7/2019; hợp đồng mượn tiền ngày 02/8/2019; hợp đồng mượn tiền ngày 26/9/2019 mà bà L cung cấp chứng cứ cho Tòa án là đúng sự thật do bà mượn tiền và chữ ký trong các giấy tờ mượn tiền là của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam K, tỉnh Quảng N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ theo trình tự thủ tục các bước tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử là đúng pháp luật. Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc bà Lê Thị Phương Tr có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Bích L số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị Phương Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Trần Thị Bích L cho bà Lê Thị Phương Tr vay tiền nhưng chưa trả. Hiện nay bà L, bà Tr sinh sống tại thành phố Tam K nên theo quy định tại Điều 26, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam K, tỉnh Quảng N. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tam K, tỉnh Quảng N thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Giữa bà Trần Thị Bích L và bà Lê Thị Phương Tr có ký kết các Giấy mượn tiền, Hợp đồng mượn tiền, cụ thể: hợp đồng mượn tiền ngày 27/4/2018; giấy mượn tiền ngày 20/4/2019; giấy mượn tiền ngày 11/6/2019; hợp đồng mượn tiền ngày 18/7/2019; hợp đồng mượn tiền ngày 02/8/2019; hợp đồng mượn tiền ngày 26/9/2019. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự và các giao dịch này hợp pháp được pháp luật công nhận.

Theo các thỏa thuận nêu trên thì bà L cho bà Tr mượn tổng cộng số tiền là 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng. Bà Tr đã trả được cho bà L số tiền là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Số tiền còn lại bà Tr còn nợ của bà L là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng. Mặc dù, bà L đã nhiều lần đòi nợ và dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, nhưng bà Tr vẫn không trả nợ.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tr thừa nhận bà có vay mượn tiền của bà L với tổng cộng các lần mượn là 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng, bà đã trả được 5.000.000 (năm triệu) đồng. Bà L cũng thừa nhận người mượn tiền, chữ ký, chữ viết trong các hợp đồng mượn tiền ngày 27/4/2018; giấy mượn tiền ngày 20/4/2019; giấy mượn tiền ngày 11/6/2019; hợp đồng mượn tiền ngày 18/7/2019; hợp đồng mượn tiền ngày 02/8/2019; hợp đồng mượn tiền ngày 26/9/2019 là đều do bà ký. Bà Tr cũng đồng ý chịu trách nhiệm về các khoản nợ nêu trên. Tuy nhiên, bà cho rằng hiện nay bà gặp khó khăn nên chưa trả được nợ cho bà L như đúng hẹn mà bà xin bà L cho bà trả dần mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng. Hai bên không thống nhất được thời gian cũng như phương thức trả nợ. Hội đồng xét xử, xét thấy bị đơn bà Tr không có trách nhiệm về việc trả nợ vay như thời hạn cam kết, gây khó khăn trong kinh tế đối với bà L. Bà L cũng thừa nhận việc vay nợ này là giữa bà và bà Tr, chồng bà Tr không tham gia vào việc vay mượn nợ nói trên nên bà chỉ khởi kiện yêu cầu bà Tr phải có trách nhiệm trả số tiền nợ còn thiếu cho bà. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn bà Tr phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ còn thiếu là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng cho bà L theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà L không yêu cầu bà Tr trả tiền lãi vay mượn nên không xem xét.

[2.3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Phương Tr phải chịu là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích L. Buộc bà Lê Thị Phương Tr phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị Bích L tổng số tiền là 80.000.000 (*Tám mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Phương Tr phải chịu 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Bích L được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (*hai triệu*) đồng theo biên lai thu số 0000531 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam K, tỉnh Quảng N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/6/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng N;
- VKSND TP Tam K;
- Chi cục THADS TP Tam K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Khôi

